

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 07/04/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	746,69	103,43
Thay đổi (%)	1,35%	0,16%
KLGD (triệu CP)	292,97	64,26
GTGD (tỷ VNĐ)	4.776,51	665,93
Số CP tăng giá	200	68
Số Cp đứng giá	68	50
Số Cp giảm giá	153	72
Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,68	0,96
PE (lần)	11,41	8,97
Hệ số Beta	0,99	0,86
ROE (%)	19,19%	15,07%
ROA (%)	7,68%	5,21%
Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	16,41	11,73
GTGD (tỷ VNĐ)	654,33	82,15
Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	560,39	3,34
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	-925,02	-6,08
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	-364,63	-2,74
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	-367,37	
Chỉ số HĐTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	693,61	10,96
VN30F2004	677,0	20,2
VN30F2005	674,9	22,8
VN30F2006	672,0	20,0
VN30F2009	671,1	13,8
Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	22.679,99	7,73%
S&P 500 *	2.663,68	7,03%
DAX *	10.072,50	5,74%
FTSE 100 *	5.542,10	2,34%
Nikkei 225	18.950,18	2,01%
Hang Seng	24.253,29	2,12%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

Nhóm bán lẻ tiếp tục hồi phục mạnh, Vn-Index tiến gần mốc 750 điểm!

Diễn biến thị trường:

Sau phiên tăng điểm rất ấn tượng đầu tuần, cùng với việc các chỉ số trên TTCK Mỹ hồi phục mạnh vào đêm qua, thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục có một phiên giao dịch tích cực. Sau khoảng thời gian đầu phiên giao dịch giằng co, chỉ số Vn-Index đã nhanh chóng lấy lại sắc xanh tăng điểm, và duy trì được đà tăng trong suốt toàn bộ thời gian còn lại của phiên giao dịch. Động lực tăng điểm chính của thị trường vẫn tới từ nhóm cổ phiếu Bluechips, tuy nhiên nhóm này đã bắt đầu có sự phân hóa, và không còn đồng loạt tăng như phiên trước. Trong đó, nổi bật là cổ phiếu VHM tăng trần lên 66.000 đồng, VRE cũng tăng trần và đóng cửa tại mốc 22.300 đồng/CP, MWG tăng 6,7%, BVH tăng 5,6%, SAB tăng 3,8%, MSN tăng 2,9%, VNM tăng 2,4%,... Ở chiều ngược lại, VJC, PLX, GAS, HVN, POW là các mã đóng cửa trong sắc đỏ, tuy nhiên biên độ giảm điểm là không đáng kể, và kết thúc phiên chỉ số Vn-Index vẫn tăng gần 10 điểm.

Dù sắc xanh vẫn chiếm áp đảo trên toàn thị trường, nhưng số mã tăng điểm đã không còn vượt trội như phiên trước đó, cho thấy dòng tiền đang bắt đầu có sự phân hóa. Nhóm ngân hàng tiếp tục duy trì giao dịch khá tích cực với các mã như BID, VCB, VPB, STB, MBB đồng loạt tăng điểm. Trong khi đó, nhóm dầu khí hay bất động sản bắt đầu xuất hiện dấu hiệu điều chỉnh ở một số cổ phiếu như PLX, GAS, DXG hay HBC. Trên TTCK Phái sinh, các HĐTL đồng loạt tăng điểm và mức basis đã được thu hẹp còn từ 16 đến 23 điểm, cho thấy dù chưa quá lạc quan, song tâm lý giới đầu tư đang ngày càng được cải thiện.

Về giao dịch khối ngoại, họ tiếp tục bán ròng trên cả 3 sàn với giá trị khoảng gần 400 tỷ đồng. Lực bán của khối ngoại tập trung chủ yếu vào VIC (204 tỷ đồng), GAS (19,7 tỷ đồng), NVL (19,2 tỷ đồng)...

Diễn biến CP CSI:

Diễn biến của mã CSI vẫn rất âm ảm khi không có cổ phiếu nào được khớp lệnh thành công. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 12.400 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Phiên tăng điểm thứ tư liên tiếp của thị trường chứng khoán Việt Nam, và chỉ trong thời gian ngắn chỉ số Vn-Index đã áp sát mốc 750 điểm. Thanh khoản trong phiên hôm nay tiếp tục tăng cao, với GTGD đạt khoảng 4.700 tỷ đồng trên cả hai sàn (không tính giá trị giao dịch thảo thuận), cho thấy dòng tiền đang có dấu hiệu quay trở lại thị trường. Chúng tôi nhận định rằng, xu hướng hồi phục trong ngắn hạn vẫn đang được duy trì khá tích cực trong những phiên vừa qua, mặc dù điểm trừ là khối ngoại vẫn không ngừng bán ròng. Chúng tôi kỳ vọng rằng trong thời gian tới xu hướng tích cực này vẫn sẽ được duy trì, đồng thời dịch bệnh Covid-19 sẽ dần đi vào tầm kiểm soát. Vì vậy, chúng tôi khuyến nghị quý nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ danh mục, và có thể tăng thêm tỷ trọng ở những cổ phiếu đang có lợi nhuận.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TIÊU CỰC	MACD	TIÊU CỰC
Volume	TIÊU CỰC	MA18	TIÊU CỰC
MA Ngắn hạn	TIÊU CỰC	MA65	TIÊU CỰC
Trend Ngắn hạn	TIÊU CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

Kết luận: Phiên tăng điểm ấn tượng thứ 4 liên tiếp của chỉ số Vn-index. Tuy nhiên, biên độ tăng điểm đã giảm đi rõ rệt, thể hiện tâm lý chốt lời của phần lớn nhà đầu tư. Thanh khoản vẫn duy trì ở mức cao cho thấy mặc dù gặp phải áp lực chốt lời lớn, song lực cầu vẫn luôn dồi dào và thường trực.

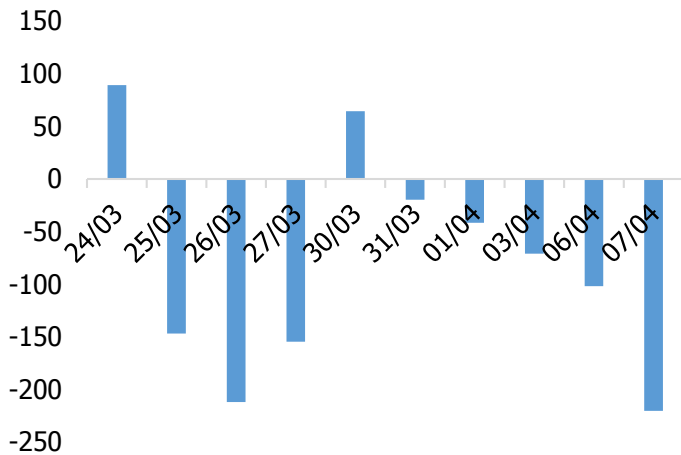
Xu hướng hồi phục trong ngắn hạn vẫn được duy trì khá ấn tượng trong phiên hôm nay, dù đã suất hiện 2 nhịp điều chỉnh khá mạnh. Điều này, chứng tỏ tâm lý của giới đầu tư vẫn rất lạc quan. Xét về kỹ thuật, các chỉ báo đều ủng hộ cho tín hiệu mua trong ngắn hạn và có khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong những phiên tới. Chúng tôi vẫn kỳ vọng nhịp hồi phục sẽ hướng đến ngưỡng kháng cự (785 -795) điểm. Vì vậy, kiên nhẫn nắm giữ danh mục và gia tăng thêm tỷ trọng ở những CP đã có lợi nhuận là điều chúng ta cần lưu tâm.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

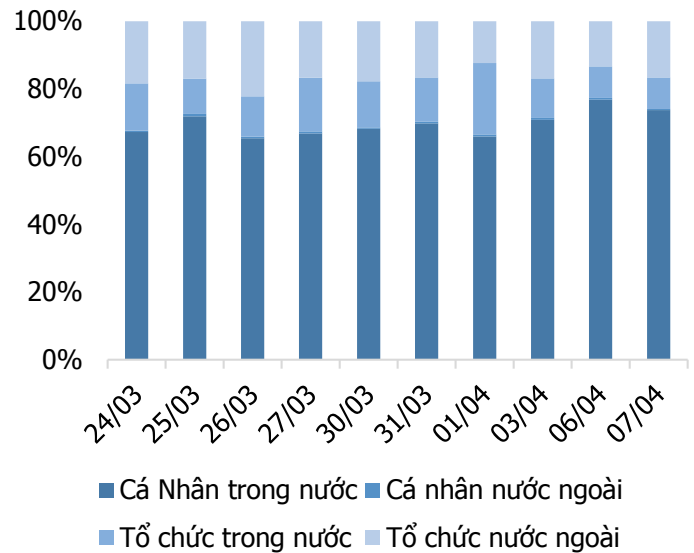
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giá trị giao dịch theo nhà đầu tư - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



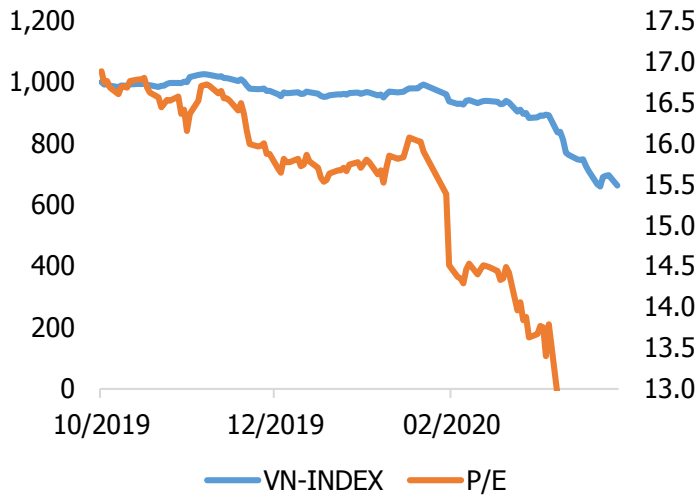
Giao dịch theo NĐT



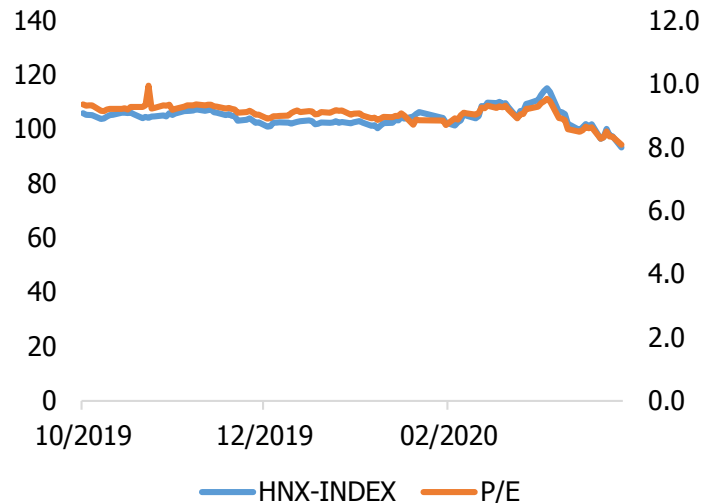
Vn-indexen – P/E lịch sử

Hn-index – P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA RÒNG TỰ DOANH

Top mua ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
E1VFN30	11,500	15,918.76
MBB	15,950	8,752.03
VPB	19,450	4,751.09
HPG	19,000	3,896.18
CTG	19,850	1,407.80

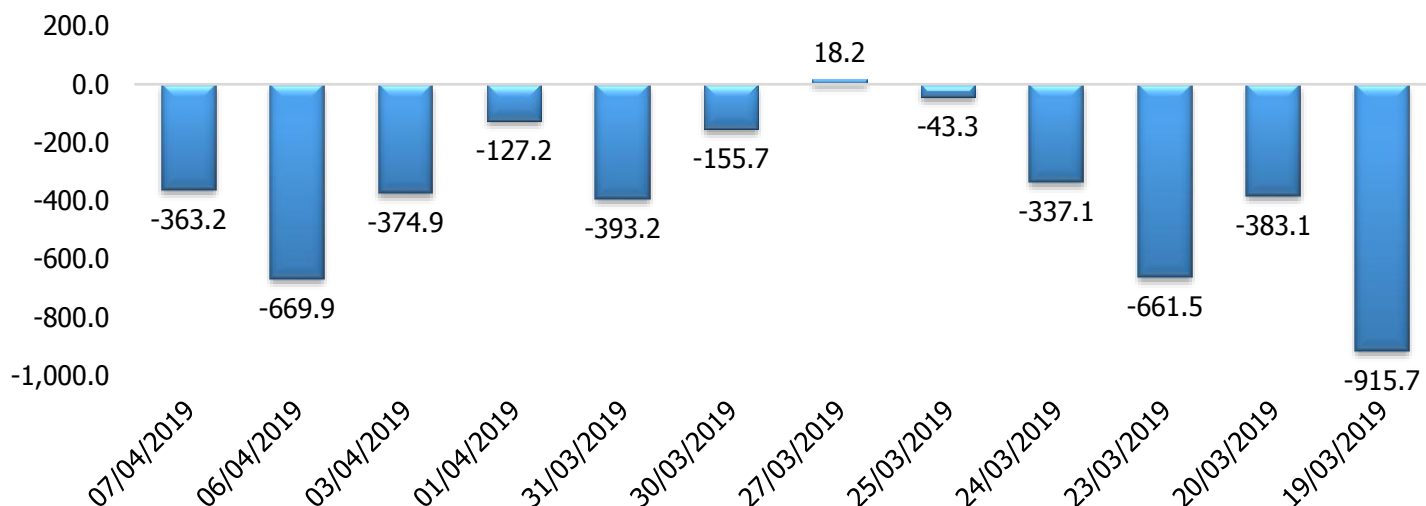
TOP BÁN RÒNG TỰ DOANH

Top bán ròng		
Mã CP	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
MWG	74,600	26,433.16
MBB	15,950	18,135.42
CTG	19,850	17,421.40
VCB	68,200	14,025.20
FPT	47,300	11,643.93

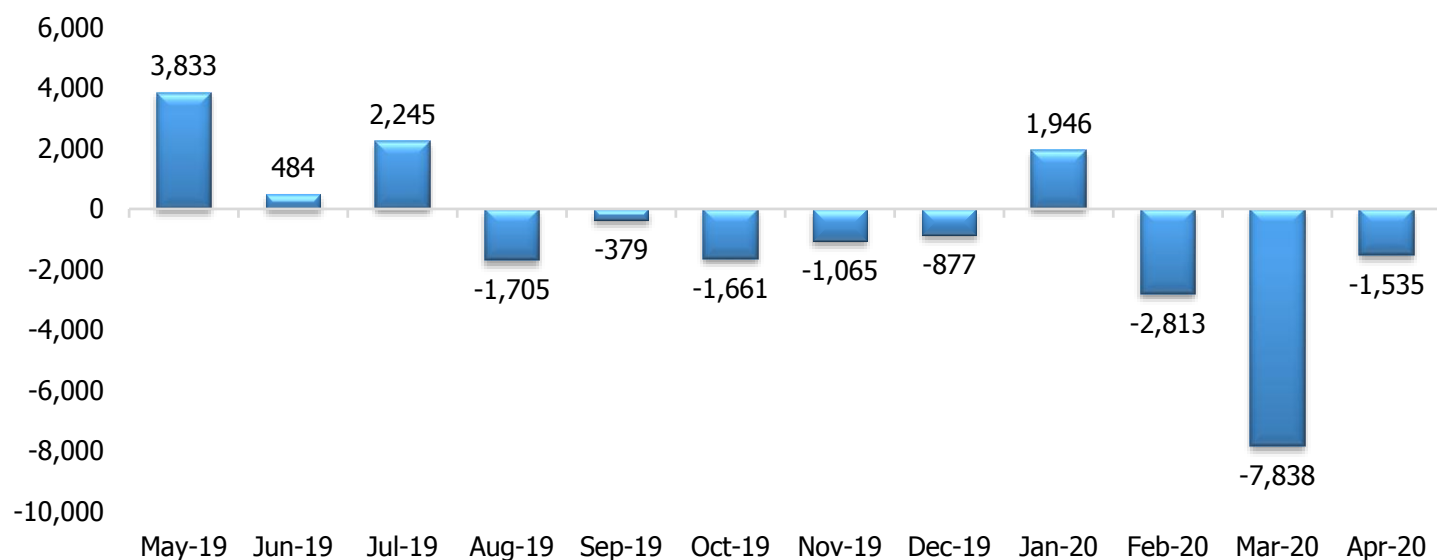
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ vnd)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ vnd)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

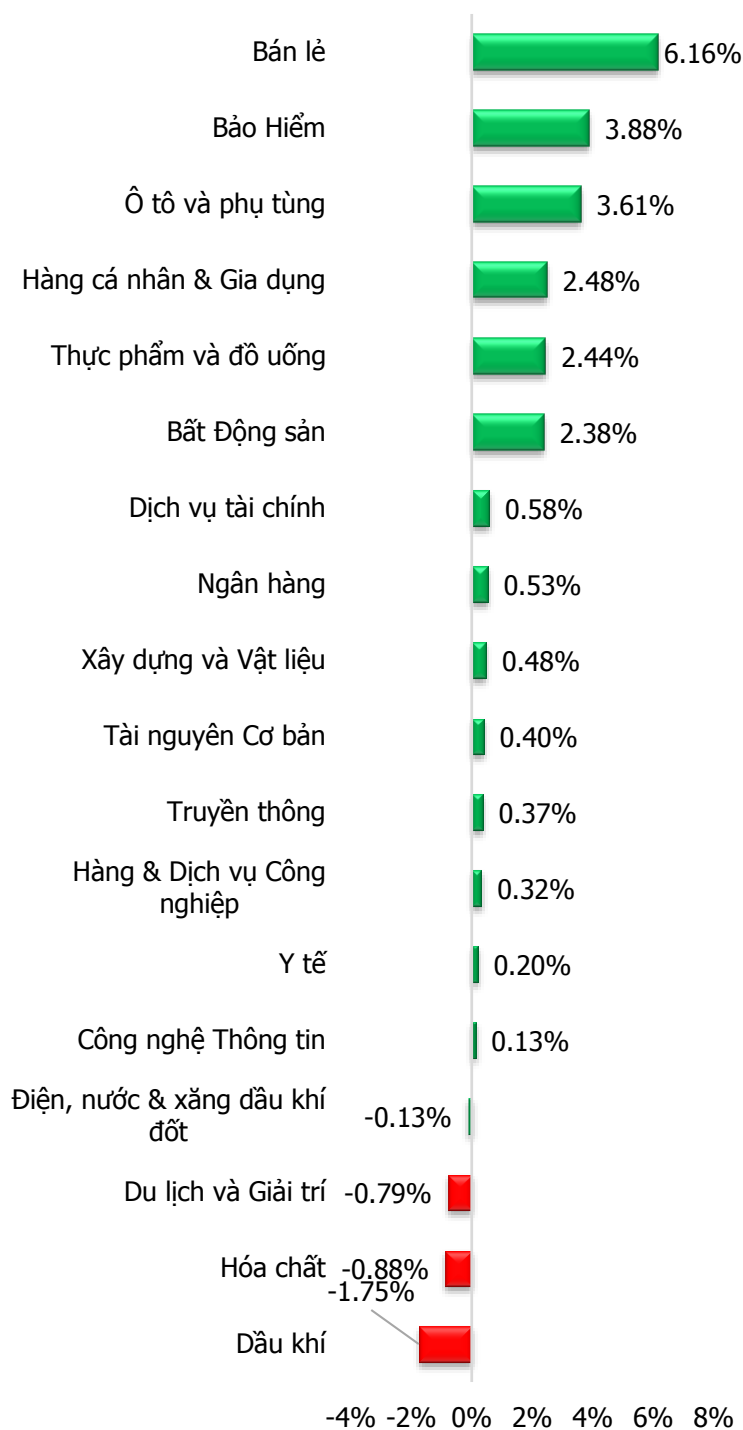
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VNM	28.86	VIC	204.01
HPG	8.85	GAS	19.67
VHM	7.28	NLG	19.18
MSN	6.54	SSI	17.68
PHR	6.41	NVL	15.36

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

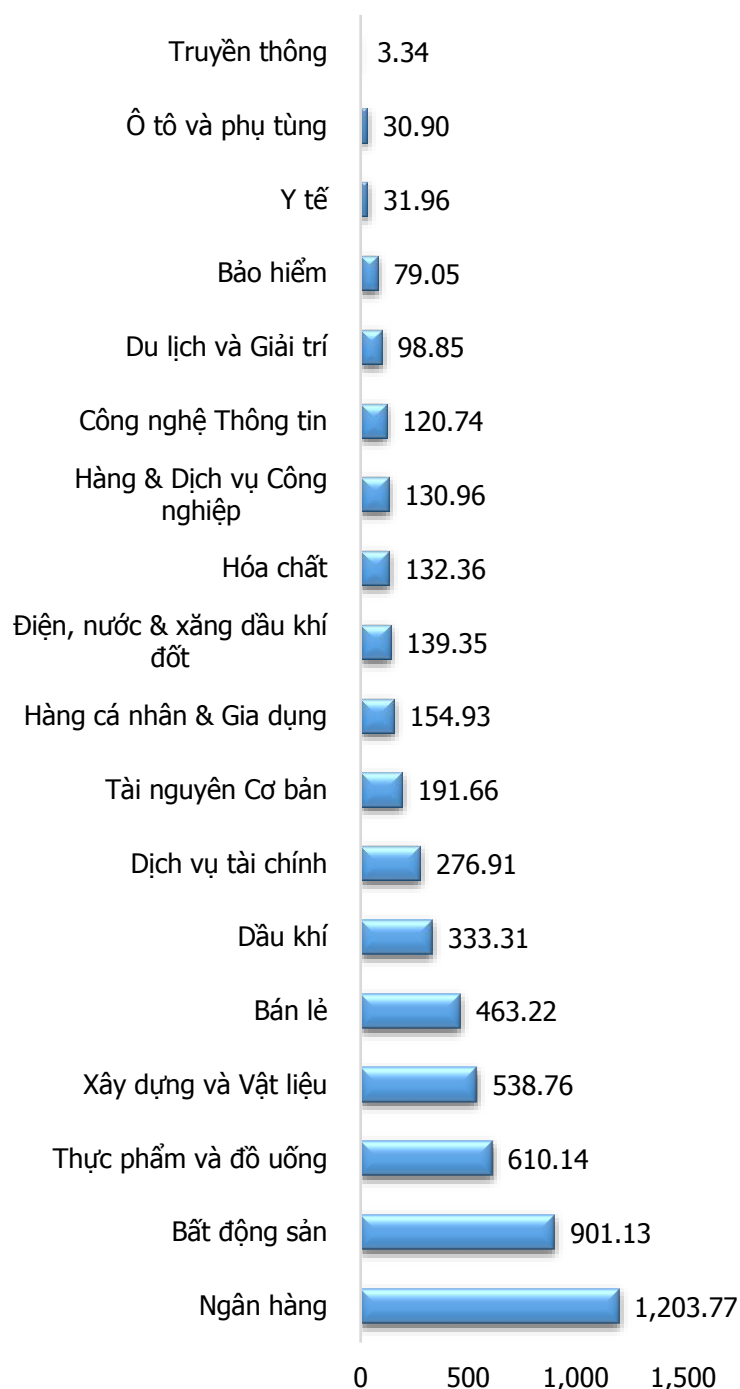
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
TIG	0.76	PVS	2.03
BVS	0.22	IDJ	0.81
ART	0.04	SHS	0.34
PIA	0.04	DXG	0.11
NTP	0.03	NDX	0.11

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	CTR	33.3	37.0	30.4	34.30	33.00					Chờ khớp
	GMD	16.0	17.7	14.5	16.25	15.80					Chờ khớp
	HBC	7.1	7.8	6.4	7.19	7.00					Chờ khớp
	HVN	19.6	21.7	17.8	20.30	19.40					Chờ khớp
	MSH	23.9	26.5	21.8	26.05	23.70					Chờ khớp
Danh Mục Đang Năm Giữ	CTG	19.8	22.0	18.0	19.85	19.60		07/04/2020		1.3%	Năm giữ
	FPT	47.0	52.1	42.8	47.30	46.50		07/04/2020		1.7%	Năm giữ
	HDB	20.3	22.5	18.5	20.75	20.10		07/04/2020		3.2%	Năm giữ
	LPB	6.5	7.2	5.9	6.40	6.40		07/04/2020		0.0%	Năm giữ
	SJS	16.1	17.8	14.6	16.35	15.90		07/04/2020		2.8%	Năm giữ
	TDH	6.7	7.4	6.1	6.63	6.60		07/04/2020		0.5%	Năm giữ
	DBC	18.2	20.2	16.6	18.20	18.00		31/03/2020		18.0%	Năm giữ
	BMI	15.4	17.0	14.0	16.50	15.20		30/03/2020		8.6%	Năm giữ
	AGG	26.5	29.4	24.2	28.40	26.25		23/03/2020		8.2%	Năm giữ
	FCN	7.4	8.2	6.7	7.95	7.30		19/03/2020		8.9%	Năm giữ
	MSR	15.2	16.8	13.8	14.60	15.00		19/03/2020		-2.7%	Năm giữ
MSN	53.0	58.8	48.3	57.50	52.50		09/03/2020		9.5%	Năm giữ	
DP3	64.6	71.7	58.9	69.00	64.00		05/08/2019		7.8%	Năm giữ	
Danh Mục Đã Bán	HII	9.9	11.0	9.0	12.35	9.80	12.50	10/02/2020	10/03/2020	27.6%	Đã bán
	SNZ	16.6	18.4	15.1	16.00	16.40	17.20	13/02/2020	10/03/2020	4.9%	Đã bán
	EIB	17.1	18.9	15.5	17.00	16.9	16.9	06/11/2019	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	DHC	38.4	42.6	35.0	37.40	38.00	38.00	04/03/2020	10/03/2020	0.0%	Đã bán
	VBB	16.2	17.9	14.7	15.00	16.00	15.10	22/01/2020	01/04/2020	-5.6%	Đã bán
	CTG	19.2	21.3	17.5	17.70	19.00	18.20	26/03/2020	31/03/2020	-4.2%	Đã bán
	GAS	59.1	65.5	53.8	54.60	58.50	57.00	26/03/2020	31/03/2020	-2.6%	Đã bán
	SCR	5.6	6.2	5.1	5.17	5.55	5.10	19/02/2020	28/02/2020	-8.1%	Đã bán
	HDB	19.8	22.0	18.0	18.25	19.60	18.00	26/03/2020	30/03/2020	-8.2%	Đã bán
	MH3	31.3	34.7	28.5	30.00	31.00	28.50	26/03/2020	30/03/2020	-8.1%	Đã bán
	MSH	28.1	31.1	25.6	26.65	27.80	25.60	26/03/2020	30/03/2020	-7.9%	Đã bán
	VCS	56.1	62.2	51.1	51.30	55.50	52.40	19/03/2020	24/03/2020	-5.6%	Đã bán
	DBC	18.3	20.3	16.7	17.35	18.10	16.70	20/03/2020	23/03/2020	-7.7%	Đã bán
	GIL	19.1	21.2	17.4	18.00	18.90	17.40	09/03/2020	11/03/2020	-7.9%	Đã bán
	BCE	6.9	7.7	6.3	6.70	6.88	6.77	26/12/2019	10/03/2020	-1.6%	Đã bán
	NTP	29.6	32.8	27.0	28.00	29.30	28.30	06/03/2020	10/03/2020	-3.4%	Đã bán
	ANV	18.1	20.0	16.5	16.70	17.90	17.00	04/03/2020	10/03/2020	-5.0%	Đã bán
	HAR	3.2	3.6	2.9	3.06	3.20	3.05	24/02/2020	10/03/2020	-4.7%	Đã bán
	DVP	37.1	41.1	33.8	35.05	36.70	33.80	28/02/2020	09/03/2020	-7.9%	Đã bán
	VIB	18.7	20.7	17.0	18.10	18.50	17.00	24/02/2020	09/03/2020	-8.1%	Đã bán
VNA	2.8	3.1	2.6	2.70	2.80	2.60	24/02/2020	09/03/2020	-7.1%	Đã bán	
IDV	37.9	42.0	34.5	37.60	37.50	34.50	09/01/2020	09/03/2020	-8.0%	Đã bán	
TNA	14.1	15.7	12.9	25.10	14.00	23.4	23/09/2019	26/12/2019	66.8%	Đã bán	
VPB	19.6	21.7	17.8	22.70	19.40	23.00	05/12/2019	31/01/2020	18.6%	Đã bán	
VPB	24.0	26.7	21.9	26.80	23.80	28.30	06/02/2020	25/02/2020	18.9%	Đã bán	
DGW	26.3	29.1	23.9	27.30	26.00	27.70	11/02/2020	21/02/2020	6.5%	Đã bán	

DHC	39.3	43.6	35.8	39.50	38.90	39.20	17/01/2020	03/02/2020	0.8%	Đã bán
VSC	26.1	28.9	23.7	26.40	25.80	26.20	19/12/2019	31/01/2020	1.6%	Đã bán
ACB	23.4	26.0	21.3	23.60	23.20	23.70	15/01/2020	31/01/2020	2.2%	Đã bán
STB	10.4	11.5	9.5	10.35	10.30	10.40	13/01/2020	31/01/2020	1.0%	Đã bán
KDH	25.9	28.7	23.6	26.25	25.60	26.5	26/09/2019	19/12/2019	3.5%	Đã bán
SNZ	19.4	21.5	17.7	19.00	19.2	19.5	21/10/2019	03/12/2019	1.6%	Đã bán
GMD	23.5	26.1	21.4	23.50	23.30	23.60	16/12/2019	27/12/2019	1.3%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
LAF	8,570	560	6.99%	810
AGM	11,500	750	6.98%	67,550
VHM	66,000	4,300	6.97%	902,670
TNC	15,350	1,000	6.97%	510
NVT	5,220	340	6.97%	370

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	400	100	33.33%	6,000
BII	700	100	16.67%	548,000
HKB	700	100	16.67%	264,000
VIG	700	100	16.67%	554,700
PVX	800	100	14.29%	1,107,420

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HRC	32,100	-2,400	-6.96%	110
VTB	10,700	-800	-6.96%	320
CMV	16,000	-1,200	-6.98%	1,190
C47	7,050	-530	-6.99%	105,880
MCP	13,950	-1,050	-7.00%	20

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
TKU	7,200	-800	-10.00%	100
MEC	800	-100	-11.11%	1,200
KVC	700	-100	-12.50%	184,900
SPI	700	-100	-12.50%	41,700
SPP	500	-100	-16.67%	65,380

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,740	-240	-6.03%	21,624,740
STB	9,180	250	2.80%	17,284,520
PVD	8,620	560	6.95%	14,124,290
MBB	15,950	200	1.27%	12,576,310
FLC	2,950	-70	-2.32%	11,929,910

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	11,800	500	4.42%	11,483,311
KLF	1,500	0	0.00%	6,129,928
MST	3,000	-300	-9.09%	3,144,168
NVB	8,400	0	0.00%	2,804,338
MBG	7,400	600	8.82%	2,585,021

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ROS	3,740	-240	-6.03%	21,624,740
STB	9,180	250	2.80%	17,284,520
PVD	8,620	560	6.95%	14,124,290
MBB	15,950	200	1.27%	12,576,310
FLC	2,950	-70	-2.32%	11,929,910

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	11,800	500	4.42%	11,483,311
KLF	1,500	0	0.00%	6,129,928
SHB	14,900	300	2.05%	5,730,224
ACB	20,300	-300	-1.46%	4,467,621
MST	3,000	-300	-9.09%	3,144,168

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGD BQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ VNĐ	VNĐ	VNĐ	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn VNĐ	%
1	BID	147,608	18,529	2,377	0.6%	12.7%	15.44	1.98	1,000,403	37,000	8.30%
2	CTD	3,937	110,305	9,320	4.3%	8.7%	5.54	0.47	131,069	54,200	-62.18%
3	CTG	74,840	20,625	2,541	0.8%	13.1%	7.91	0.97	6,517,019	19,850	-8.22%
4	BVH	33,590	25,688	1,550	0.9%	6.2%	29.20	1.76	268,173	47,800	-51.04%
5	PLX	47,752	19,375	3,613	7.2%	17.4%	11.10	2.07	352,113	38,850	-28.43%
6	EIB	19,056	12,810	704	0.5%	5.7%	22.00	1.21	2,490,662	15,500	-11.43%
7	FPT	32,379	20,535	4,627	9.9%	19.9%	10.27	2.31	1,939,877	47,300	13.69%
8	GAS	120,579	25,344	6,219	19.1%	24.7%	10.13	2.49	393,724	62,900	-37.91%
9	POW	19,063	11,481	1,072	4.4%	8.9%	7.60	0.71	2,662,280	7,990	-47.14%
10	HDB	19,734	19,813	3,745	1.6%	19.4%	5.47	1.03	1,944,688	20,750	-29.91%
11	HPG	52,046	17,248	2,726	8.4%	17.0%	6.91	1.09	7,325,476	19,000	-24.60%
12	MBB	37,980	16,477	3,387	2.0%	21.1%	4.65	0.96	5,839,737	15,950	-23.20%
13	MSN	65,344	36,597	4,766	6.9%	12.9%	11.73	1.53	2,017,789	57,500	-36.69%
14	MWG	31,652	27,014	8,614	11.0%	36.3%	8.11	2.59	908,108	74,600	-15.46%
15	NVL	50,416	22,978	3,654	4.3%	15.5%	14.23	2.26	1,489,093	51,700	-8.61%
16	PNJ	12,498	20,326	5,360	15.9%	28.7%	10.35	2.73	739,078	57,000	-23.83%
17	REE	9,364	33,533	5,286	9.3%	15.6%	5.71	0.90	884,245	30,000	-2.05%
18	ROS	2,259	10,645	314	1.7%	3.0%	12.67	0.37	20,003,856	3,740	-87.42%
19	SAB	84,649	29,325	7,880	20.5%	27.9%	16.75	4.50	182,365	137,000	-45.47%
20	SBT	8,304	12,426	589	1.9%	4.9%	23.17	1.10	2,532,314	13,450	-25.86%
21	SSI	7,330	18,215	1,780	3.6%	9.8%	7.95	0.78	1,960,400	14,150	-46.25%
22	STB	16,107	14,826	1,361	0.6%	9.6%	6.56	0.60	6,503,836	9,180	-27.10%
23	TCB	59,327	17,651	2,881	2.9%	17.7%	5.88	0.96	4,686,188	16,950	-33.27%
24	VCB	252,204	21,785	4,991	1.6%	25.9%	13.63	3.12	1,018,610	68,200	0.74%
25	VHM	202,963	17,053	6,499	13.7%	38.5%	9.49	3.62	1,616,985	66,000	-32.57%
26	VIC	329,111	22,592	2,236	2.2%	6.9%	43.52	4.31	787,093	97,300	-15.46%
27	VJC	52,331	29,231	7,883	9.7%	28.7%	12.67	3.42	548,498	99,000	-10.66%
28	VNM	167,521	15,794	6,076	25.8%	37.8%	15.83	6.09	1,597,467	98,500	-26.77%
29	VPB	45,708	17,315	3,374	2.4%	21.5%	5.56	1.08	5,478,353	19,450	-6.48%
30	VRE	47,378	11,847	1,226	7.7%	10.3%	17.01	1.76	3,223,785	22,300	-40.04%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS: vncs,research@vn-cs.com

Người thực hiện: Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VNCS

Đỗ Bảo Ngọc

Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu

Email: ngocdb@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Nguyễn Đức Minh

Chuyên viên Phân tích Cao cấp

Email: minhnd@vn-cs.com

Vũ Thùy Dương

Chuyên viên phân tích

Email: duongvt@vn-cs.com

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng

Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: khanglec@vn-cs.com

Trần Vũ Phương Liên

Chuyên viên phân tích

Email: lientvp@vn-cs.com

Dương Quang Minh

Chuyên viên Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: minhdq@vn-cs.com

Đỗ Thị Hường

Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Email: huongdt@vn-cs.com

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/ giá hiện tại
MUA	$\geq 20\%$
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	$\leq -20\%$

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và VNCS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của VNCS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của VNCS,

TRỤ SỞ VNCS

Tầng 3 Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: www.vn-cs.com